

Số: 34/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 09 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 47/2020/TLST-VDS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Lương Đình T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chị Vì Thị H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Anh Lương Đình T và chị Vì Thị H kết hôn với nhau từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh T, chị H đăng ký kết hôn ngày 02/3/2015 tại UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị có nhiều bất đồng trong quan điểm, lối sống và cách nuôi dạy con chung, anh chị thường xuyên xảy ra tranh chấp, cãi vã. Anh T, chị H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay mà không ai quan tâm đến ai. Anh T, chị H đều nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên.

Tại phiên hòa giải, anh T và chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị H.

[2] Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là các cháu Lương Gia K, sinh ngày 26/9/2015 và cháu Lương Gia L, sinh ngày 24/7/2017. Anh T, chị H thống nhất giao các cháu K, L cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu K, L trưởng thành; anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền là 500.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi các cháu K, L trưởng thành đủ 18 tuổi. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh T, chị H tự thống nhất thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí tòa án: Anh Lương Đình T nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Đình T và chị Vì Thị H nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là các cháu Lương Gia K, sinh ngày 26/9/2015 và cháu Lương Gia L, sinh ngày 24/7/2017.

Giao các cháu Lương Gia K, Lương Gia L cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi các cháu K, L trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền là 500.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu (năm trăm nghìn đồng/ 1 tháng/ 1 cháu); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi các cháu K, L trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung tại thời điểm ly hôn. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu của người thứ ba thì sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lương Đình T nhận chịu T bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0000230 ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã B, Mai Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nông Văn Thịnh**